TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày 06-7-2023
"V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

2. Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Thông báo số: 11/TB-TA ngày 29 tháng 06 năm 2023 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số S, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đ. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L huyện L, tỉnh Đ. (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 06/7/2022)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số B, đường P, tổ B, khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh Đ.

(Ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Ngọc T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 24/6/2019, ông Phạm Ngọc T có vay của ông Phạm Thanh H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, có làm biên nhận, khi nào ông H cần thì ông T sẽ trả lại số tiền vay gốc. Ông H nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền 500.000.000 đồng nhưng đến nay ông T chưa trả. Nay, ông Phạm Thanh H yêu cầu ông Phạm Ngọc T trả số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 170.000.000 đồng (tính từ tháng 8/2019 đến tháng 06/2022 là 34 tháng x 5.000.000 đồng). Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

- Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày: Ngày 24/6/2019, ông Phạm Ngọc T có nhận số tiền 500.000.000 đồng của ông Phạm Thanh H đưa tại nhà của ông T, biên nhận ngày 24/6/2019 do ông Phạm Ngọc T viết và ký tên ghi họ tên Phạm Ngọc T, ông T đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng của ông Phạm Thanh H đưa. Nội dung biên nhận ngày 24/6/2019 là do ông T viết. Số tiền 500.000.000 đồng này là do bà Phạm Thị M giao cho ông H đưa cho ông T. Bà M là chị của ông H, năm 2019 bà M ở Canada về nước có nhờ ông T mua dùm nền nhà nên bà M có gửi cho ông H số tiền 500.000.000 đồng nhờ ông T mua nền nhà dùm bà M. Số tiền 500.000.000 đồng mà ông H giao cho ông T là tiền của bà M giao cho ông T mua nền nhà dùm, không phải tiền ông T vay của ông H, ông T không có đến nhà của ông Phạm Thanh H vay tiền, từ ngày 24/6/2019 đến này ông H không có đến nhà ông T yêu cầu trả tiền.

Ông T đã mua đất diện tích 160m^2 của ông Phạm Văn V tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đ dùm cho bà M. Sau năm 2021 bà M nói ở vị trí đất ông T mua cách xa trung tâm thành phố C không làm ăn được, kêu ông T bán lại lấy tiền mua nền theo ý bà M, nếu mua không được thì trả tiền cho bà M. Ông T đồng ý chuyển nhượng phần đất này cho bà M, nếu bà M không đồng ý nhận đất này thì ông T trả số tiền 500.000.000 đồng này cho bà M. Hiện nay bà Phạm Thị M đang ở Canada. Năm sinh và địa chỉ cụ thể của bà M ở Canada ông T không biết, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về năm sinh, địa chỉ cụ thể của bà M. Việc bà M nhờ ông T mua đất dùm và đưa 500.000.000 đồng cho ông T chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ, ông T không có tài liệu, chứng cứ việc bà Miệt nhờ ông T mua đất dùm và đưa 500.000.000 đồng cho ông T.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông H yêu cầu ông Phạm Ngọc T trả số tiền vay gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 170.000.000 đồng (tính từ tháng 8/2019 đến tháng 06/2022 là 34 tháng x 5.000.000 đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm về thời

gian tính tiền lãi. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 670.000.000 đồng. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu của ông H là việc ông T có nhận tiền và ghi biên nhận ngày 24/6/2019.

- *Bị đơn ông T trình bày*: Biện nhận ngày 24/6/2019 là do ông T tự ghi và ông T có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ ông H nhưng đây không phải là tiền vay mà là tiền bà M gửi về cho ông T mua đất dùm bà M. Hiện nay phần đất đó do ông T đang đứng tên quyền sử dụng.

Trong biên nhận ông T ghi có nhận của Phạm Thanh H (bí danh thường gọi D) hay Phạm Thanh H đều là Phạm Thanh H. Nay ông H yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng ông T không đồng ý vì đây là tiền của bà M khi nào bà M yêu cầu thì ông T sẽ trả cho bà M. Hiện nay bà M ở đâu ông T không biết và không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Thanh H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc T trả số tiền nợ vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T có nơi cư trú tại số B, đường P, tổ B, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông H yêu cầu ông Phạm Ngọc Tg trả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 170.000.000 đồng (tính từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2022 là 34 tháng x 5.000.000 đồng). Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng). Ông H cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 24/6/2019, thể hiện ông T có nhận của ông H số tiền 500.000.000 đồng.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận ngày 24/6/2019 được ông T thừa nhận là do ông T tự viết biên nhận và ông T có nhận số tiền 500.000.000 đồng do đó có căn cứ xác định ông T có nhận của ông H số tiền 500.000.000 đồng là thật, đây là tình tiết không phải chứng minh và là căn cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Mặc dù, ông T có nhận số tiền 500.000.000 đồng của ông H nhưng ông T không đồng ý trả lại cho ông H, với lý do ông T cho rằng số tiền ông H đưa cho ông T là tiền của bà M nhờ ông H giao cho ông T để ông T mua đất dùm cho bà M nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho ông T.

Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông T phải trả cho ông H số tiền 500.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Ông H yêu cầu tính lãi 1%/tháng đối với số tiền 500.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2022 là 34 tháng, số tiền lãi là 170.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận ngày 24/6/2019 không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi, không thể hiện thời gian trả tiền, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện các bên có thỏa thuận lãi. Căn cứ vào quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử điều chỉnh thời gian tính lãi và lãi suất như sau: Thời gian tính lãi được tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (theo giấy xác nhận nhận đơn khởi kiện là từ ngày 13/3/2023) từ ngày 13/3/2023 đến ngày 06/7/2023 (ngày xét xử) là 03 tháng 23 ngày x 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 15.631.659 đồng. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho ông H số tiền lãi là 15.631.659 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Thanh H. Buộc ông Phạm Ngọc T trả cho ông Phạm Thanh H số tiền gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi 15.631.659 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.718.417 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 15.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012111 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ, ông H được nhận lại số tiền 7.681.583 đồng (bảy triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm